

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2017

V/v: “ tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Là Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thị Hồng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: đường N, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Bị đơn: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: đường N, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ chị Phan Thị N trình bày: Chị và anh Lưu Văn T kết hôn vào ngày 22/6/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại

nhà chồng đường N, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với gia đình mà thường xuyên rượu say xỉn, về nhà chửi bới, quậy phá, đánh đập chị, thậm chí nhiều lần anh T còn cầm dao đòi chém chị. Vì không chịu đựng được sự bạo hành của anh T nên bà đã chuyển ra ngoài phòng trọ để ở nhưng anh T cũng đến gây gổ. Từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Theo bản tự khai của anh Lưu Văn T trình bày: Anh T không đồng ý ly hôn vì gia đình theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn.

Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 03 con chung tên Lưu Trung, sinh ngày 13/12/2007, Lưu Trung B, sinh ngày 22/5/2009 và Lưu Thị Trà M, sinh ngày 05/4/2014. Hiện cháu Hiếu đang ở với chị N, hai cháu T Bảo và Trà Mi hiện đang ở với ông T. Ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H, chị đồng ý giao hai con B và M cho anh T nuôi dưỡng. Anh T đồng ý nuôi hai con tên B và M.

Về tài sản chung: Hai bên xác định không có.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con Lưu T Hiếu theo đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị N xin ly hôn anh Lưu Văn T; Giao con chung tên Lưu Trung H, sinh ngày 13/12/2007 cho chị N nuôi dưỡng; Giao con tên Lưu Trung B, sinh ngày 22/5/2009 và Lưu Thị Trà M, sinh ngày 05/4/2014 cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phan Thị N xin ly hôn anh Lưu Văn T, địa chỉ đường N, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Điều 28 và 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Anh Lưu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân trên là hợp pháp. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy theo chị N khai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè say xỉn và đánh đập chị dẫn đến tình cảm vợ chồng mất dần, từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử đã động viên chị N vì con trở lại đoàn tụ với anh T nhưng chị N không đồng ý vì xác định không còn tình cảm với anh T, không thể chung sống hạnh phúc với ông T. Qua xác minh được biết hiện nay chị N không còn sống chung với anh T. Mặt khác, anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến là thể hiện thái độ không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với chị N, không muốn đoàn tụ gia đình. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân trên thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung khó có thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N và anh T được ly hôn là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lưu Trung H, sinh ngày 13/12/2007, Lưu Trung B, sinh ngày 22/5/2009 và Lưu Thị Trà M, sinh ngày 05/4/2014. Ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H, và đồng ý giao con tên B và Trà M cho ông T nuôi dưỡng. Tòa án lấy lời khai cháu H có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu Bảo có nguyện vọng muốn ở với bố; ông T có nguyện vọng nuôi cháu B và Trà M. Vì vậy giao con tên Lưu Trung H, sinh ngày 13/12/2007 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và giao con tên Lưu Trung B, sinh ngày 22/5/2009 và Lưu Thị Trà M sinh ngày 05/4/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là đảm bảo quyền lợi của hai bên và của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp, các bên sẽ khởi kiện tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Chị Phan Thị N xin ly hôn anh Lưu Văn T. Cho chị Phan Thị N và anh Lưu Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con tên Lưu Trung H, sinh ngày 13/12/2007 cho chị Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; Giao con tên Lưu T B, sinh ngày 22/5/2009 và Lưu Thị Trà M, sinh ngày 05/4/2014 cho ông Lưu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền 200.000đ chị N đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2015/0008015 ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ). Chị N còn phải nộp 100.000đ (*Một trăm ngàn đồng*).

Chị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp.Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND phường D- TP. Đ
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết N

